BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT

Khóa học: 2015 - 2018

Ngành: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

Chuyên ngành: Quản lý lữ hành

Khóa 48 Lớp Quản lý lữ hành 2

					1					2					3						4						5						6								
STT	**MÃ SV**	**HỌ VÀ TÊN**		**Ngày sinh**	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	Tin học đại cương	Toán cao cấp 1	Toán cao cấp 2	Tâm lý học đại cương	Khoa học môi trường	Kinh tế vi mô 1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Pháp luật đại cương	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	Kinh tế vĩ mô 1	Marketing căn bản	Nguyên lý kế toán	Kinh tế lượng	Hệ thống các tuyến điểm du lịch	Kỹ năng giao tiếp	Ngoại ngữ chuyên ngành	Quản trị học	Tổng quan du lịch	Văn hóa học	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Địa lý du lịch	Marketing dịch vụ	Nguyên lý thống kê kinh tế	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 1	Quản trị lữ hành	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	Quản lý điểm đến	Tâm lý du khách	Văn hóa các dân tộc thiểu số	Văn hóa Huế	Văn hóa và du lịch	Thực tập nghiệp vụ	Thực tập quản lý	**Tổng kết**
					2	**3**	**2**	**2**	**2**	**2**	**3**	**3**	**2**	**2**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**2**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**2**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**92**
1	14D4011004	Hồ Nhật	Anh	01/04/1996	7.5	8.2	5.6	5.9	8.9	6.6	8.1	6.2	7.5	7.8	6.0	7.2	6.3	7.9	8.4	7.0	8.9	8.9	8.9	9.0	7.0	8.7	8.2	8.7	7.9	4.9	7.7	8.3	8.4	8.5	9.5	6.9	8.0	7.7	9.3	8.7	7.7
2	14D4011007	Lê Thị Vân	Anh	07/01/1996	9.4	7.7	8.7	7.3	7.4	7.5	8.1	8.8	7.8	8.9	8.4	6.9	9.6	8.0	7.6	9.5	8.4	10.0	7.7	9.2	8.7	9.3	8.7	9.4	10.0	7.9	9.2	8.3	8.4	8.5	10.0	8.7	9.4	8.2	9.4	9.5	8.6
3	14D4011009	Nguyễn Thị Kim	Anh	26/05/1996	4.8	7.7	5.6	4.3	8.4	6.8	5.3	5.6	6.4	5.3	5.0	7.2	4.9	7.5	4.8	6.5	6.8	9.0	8.0	9.7	8.7	5.7	8.1	9.1	8.3	4.2	8.7	7.4	8.6	8.2	9.5	8.0	5.9	8.9	9.2	9.5	7.1
4	14D4011010	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	26/06/1996	4.3	7.4	5.7	5.8	5.0	7.4	5.4	7.5	7.1	8.4	5.4	6.7	2.8	7.2	6.8	5.3	7.9	8.9	5.1	8.3	7.9	7.9	6.8	8.7	8.7	3.7	8.7	7.8	4.2	8.2	8.7	7.2	5.6	8.4	9.4	9.0	6.8
5	14D4011015	Dương Thị	Ánh	14/09/1996	4.6	8.1	7.5	6.3	6.8	7.3	7.9	7.8	7.9	6.4	7.8	6.4	7.5	8.9	8.7	9.9	8.3	8.9	8.7	9.3	8.7	9.3	7.0	8.7	9.3	9.7	9.1	7.4	7.5	8.4	9.5	7.7	6.9	8.6	9.7	9.0	8.2
6	14D4011018	Lê Quốc	Bảo	09/06/1996	7.1	5.8	3.4	0.9	3.0	6.4	1.0	3.2	0.0	3.2	0.0	0.0	0.0	2.2	0.0	0.0	2.1	0.0	0.0	0.0	1.0	2.4	0.0	2.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.2
7	14D4011021	Nguyễn Thị Hồng	Cầm	11/02/1996	6.8	7.1	7.9	4.0	4.2	7.3	6.9	7.0	8.3	7.0	5.4	4.8	5.7	6.8	6.2	4.6	8.9	9.0	4.0	8.3	8.4	8.7	7.5	8.4	7.6	4.9	9.1	7.9	4.2	8.2	8.5	7.5	6.1	8.4	9.1	9.0	7.0
8	14D4011034	Trần Thị Giang	Cừu	10/01/1996	5.5	7.6	8.3	5.0	5.5	7.3	6.7	8.6	8.0	7.5	6.5	7.4	7.3	8.2	8.8	9.4	8.2	8.6	6.4	8.7	8.4	8.2	8.9	9.1	8.7	9.5	8.9	8.2	6.7	8.7	8.7	6.9	7.7	9.2	9.3	8.7	8.0
9	14D4011026	Lê Thị Kim	Chi	06/08/1996	5.4	8.3	7.1	5.9	8.4	8.0	7.1	8.5	8.6	8.5	6.0	7.5	7.0	8.3	8.4	9.2	9.1	9.3	9.3	9.1	7.5	8.4	8.1	9.1	8.6	6.9	9.1	7.9	8.5	8.4	8.5	8.3	8.3	8.6	9.7	9.0	8.2
10	14D4011030	Trần Thị	Chuyền	10/09/1996	5.6	7.4	6.6	4.6	7.5	6.6	6.2	7.9	7.2	7.9	5.3	5.2	5.1	7.9	5.1	8.5	7.9	8.9	6.4	8.7	5.9	6.3	7.4	8.7	8.3	6.0	8.7	8.2	6.6	8.2	8.5	7.9	7.6	8.4	9.7	8.5	7.2
11	14D4011044	Nguyễn Thùy	Dung	20/08/1996	8.4	9.1	8.6	5.7	5.9	8.0	8.3	8.6	6.5	8.7	7.0	8.1	9.8	8.6	9.1	9.4	8.9	9.0	9.0	9.5	8.6	9.1	8.1	9.1	8.6	8.3	9.1	8.5	8.4	8.2	9.5	8.3	8.7	9.3	9.9	9.5	8.6
12	14D4011047	Ngô Thị	Duyên	11/03/1996	7.6	6.7	4.1	4.4	5.3	6.6	4.9	7.9	5.6	8.3	7.5	6.4	5.2	7.0	5.6	6.5	7.9	8.9	4.2	9.1	8.4	7.9	7.9	8.4	8.5	4.6	9.0	7.5	3.9	8.0	8.0	8.6	6.9	8.4	9.0	8.8	7.0
13	14D4011051	Thái Thành	Đạt	03/07/1996	4.0	6.8	5.2	4.3	3.9	7.2	6.0	2.2	5.3	5.2	5.4	4.9	5.3	7.7	7.7	6.1	6.8	8.7	6.4	6.6	4.7	4.9	7.2	8.4	6.5	6.8	9.1	5.9	5.9	7.0	8.5	4.2	3.3	7.4	0.0	0.0	5.8
14	14D4011059	Ngô Thị Hương	Giang	12/04/1996	6.2	9.1	5.3	5.0	5.4	7.3	6.2	7.9	7.5	6.1	5.5	6.0	9.6	7.1	6.5	8.6	8.3	8.7	7.7	8.9	8.6	8.4	6.8	8.7	8.7	7.5	8.3	8.3	5.4	8.2	8.5	7.9	6.9	8.2	9.7	8.7	7.6
15	14D4011060	Nguyễn Thị	Giang	05/05/1996	7.6	6.5	4.0	5.1	7.0	7.1	6.1	8.2	5.6	5.9	6.3	6.4	6.2	7.1	5.1	8.4	7.5	8.7	5.8	7.6	7.3	7.7	7.5	8.7	7.6	5.8	7.6	7.8	4.5	7.7	8.5	7.5	5.9	8.4	9.7	8.5	7.0
16	14D4011073	Nguyễn Thị	Hạnh	20/11/1996	6.7	5.8	6.8	4.0	8.3	6.7	5.4	7.3	4.8	7.0	5.8	7.2	4.6	6.7	7.9	5.7	8.4	8.8	5.6	7.6	8.4	8.4	7.4	8.7	7.6	4.4	9.0	7.4	4.7	8.5	9.3	7.9	7.6	8.0	9.2	8.7	7.0
17	14D4011075	Phạm Thị Hồng	Hạnh	11/08/1996	7.9	8.2	4.1	4.6	5.6	7.3	7.0	8.7	7.9	8.4	7.0	8.5	6.6	7.6	8.1	8.9	8.2	8.9	5.2	9.0	8.9	9.4	8.2	9.1	9.0	6.1	9.4	7.5	5.4	8.7	8.5	8.3	6.6	9.1	9.7	8.5	7.8
18	14D4011070	Trần Thị	Hảo	26/09/1996	8.5	6.9	6.2	5.3	8.8	8.2	6.9	8.5	8.3	8.4	6.3	7.8	9.8	8.5	7.8	8.3	8.3	8.9	6.7	8.7	7.3	8.7	8.2	9.1	8.7	7.3	8.7	6.7	7.7	8.2	8.5	8.2	6.9	9.0	9.1	9.0	8.0
19	14D4011083	Lê Thị Thanh	Hằng	25/11/1996	7.6	6.4	5.3	5.0	6.3	7.1	6.1	7.4	6.6	7.4	2.4	3.8	5.3	7.1	5.5	6.6	2.7	9.0	2.4	2.4	2.4	2.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	3.2
20	14D4011094	Đinh Thị	Hiếu	07/12/1996	5.5	6.6	5.8	4.3	8.2	6.9	6.5	7.5	7.0	6.6	7.5	4.9	9.0	8.5	7.4	8.2	8.0	8.9	5.6	8.0	6.6	8.4	7.9	8.7	8.3	4.1	8.3	7.2	6.4	8.5	8.5	6.1	5.5	8.2	9.7	8.3	7.3
21	14D4011101	Phạm Thị	Hoan	14/09/1996	7.3	7.0	6.8	4.0	7.3	6.5	5.7	7.3	7.0	8.1	7.4	5.0	5.9	8.0	4.4	7.0	8.6	8.9	6.6	8.7	7.7	8.4	7.5	8.7	8.0	4.6	8.7	7.4	6.4	8.3	9.3	7.5	7.6	7.9	9.3	8.7	7.3
22	14D4011128	Hồ Thị Ngọc	Hương	20/11/1995	7.3	6.9	5.8	5.3	7.4	8.7	5.3	8.7	8.6	7.6	6.0	5.5	5.6	7.6	5.1	6.2	7.9	9.0	5.4	9.0	7.3	7.6	7.9	8.7	8.2	3.8	9.0	7.6	6.5	8.0	8.7	8.0	5.5	8.6	9.3	8.8	7.2
23	14D4011130	Nguyễn Thị Kiều	Hương	27/11/1996	5.2	5.6	4.3	4.6	7.3	7.0	5.6	8.2	9.1	7.2	9.0	6.2	8.7	7.8	7.4	8.6	8.0	8.9	7.1	8.0	7.0	7.5	7.5	8.4	8.3	6.5	8.3	7.8	6.7	8.5	9.3	7.0	6.2	7.5	9.1	8.6	7.5
24	14D4011134	Phạm Thị	Hường	20/08/1996	8.5	7.1	4.6	4.3	7.6	7.5	7.8	7.9	6.6	8.6	6.2	8.4	7.9	7.3	6.5	8.8	8.3	8.7	5.8	9.4	7.3	8.4	8.2	9.1	9.0	8.4	8.7	7.0	4.6	8.4	9.5	7.9	8.0	8.7	9.7	8.2	7.7
25	14D4011149	Nguyễn Thị	Lan	12/07/1996	7.6	7.6	5.7	4.3	5.9	7.4	5.7	8.1	7.5	8.3	5.4	7.9	9.6	6.6	8.6	9.1	8.6	8.8	5.2	8.7	8.2	9.1	7.9	9.4	8.7	7.3	8.4	7.9	6.0	8.0	8.5	8.3	7.0	8.3	9.2	9.0	7.7
26	14D4011152	Đặng Thị	Lành	04/10/1995	5.3	6.8	4.1	4.8	5.3	6.4	5.9	6.5	6.3	6.7	4.6	3.6	5.9	5.6	5.6	8.0	7.5	8.9	6.3	7.0	5.2	7.0	6.3	0.0	8.3	5.3	2.7	2.3	5.7	8.1	8.0	7.9	5.6	8.0	9.7	8.5	6.0
27	14D4011159	Nguyễn Thị	Liên	22/09/1996	6.4	6.5	5.9	5.8	8.3	8.2	5.7	8.8	7.5	7.6	5.3	6.9	5.2	6.3	8.3	8.8	8.2	8.7	5.2	7.3	5.4	7.3	8.3	9.4	8.7	6.9	9.0	7.4	4.6	8.5	8.0	8.0	8.0	8.7	9.2	9.0	7.3
28	14D4011163	Hà Phước	Lin	30/04/1996	5.2	6.5	4.0	5.9	4.9	5.5	5.8	5.4	5.3	4.4	6.5	5.8	4.8	6.4	5.6	7.5	6.9	8.7	5.0	6.3	4.9	6.7	6.7	6.6	6.5	5.1	6.9	6.2	1.3	7.3	8.0	7.6	4.0	8.1	9.4	8.7	6.1
29	14D4011164	Huỳnh Thảo Hoài	Linh	06/04/1996	6.1	7.8	7.6	4.3	7.3	6.1	8.2	9.1	8.4	8.1	8.4	6.2	7.9	8.5	8.3	10.0	8.6	8.7	7.3	8.3	7.9	8.4	8.2	9.1	9.8	8.0	8.4	7.0	6.5	8.7	9.5	8.0	8.0	8.0	9.2	9.0	8.1
30	14D4011167	Nguyễn Thị Hoài	Linh	04/12/1996	7.0	8.1	5.5	6.7	7.7	7.4	7.9	9.1	8.4	8.4	8.2	6.3	8.4	8.0	9.2	9.9	7.9	9.0	7.7	8.7	8.2	9.1	8.4	8.7	9.4	6.5	8.3	7.9	8.9	8.2	8.0	8.0	7.3	8.5	9.5	8.9	8.2
31	14D4011172	Trần Thị Khánh	Linh	15/02/1996	6.6	8.0	7.5	6.6	7.5	7.5	6.7	6.7	6.0	7.8	4.2	6.6	8.2	8.4	6.9	7.8	7.9	9.8	8.9	9.1	7.5	6.6	6.3	8.7	8.3	5.1	8.3	7.3	7.6	8.8	8.5	7.6	6.9	8.4	9.7	8.8	7.5
32	14D4011175	Lê Thị	Loan	03/10/1996	8.5	6.8	5.1	5.6	8.1	8.0	5.0	8.2	6.1	8.2	5.1	8.8	8.4	7.7	7.7	7.9	8.2	9.1	4.2	9.0	8.4	9.1	8.2	8.7	8.7	5.8	8.0	7.6	4.7	8.5	7.5	7.9	7.3	8.7	9.7	8.7	7.5
33	14D4011183	Nguyễn Thị	Lời	20/07/1996	6.8	5.9	4.4	3.7	5.4	7.3	5.5	8.2	5.2	7.0	6.0	5.9	7.3	5.4	6.0	8.7	7.9	9.0	5.2	7.6	8.0	7.5	8.1	9.4	8.0	5.0	9.1	7.7	4.4	8.7	8.5	8.2	7.2	8.9	9.7	8.5	7.0

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	Tin học đại cương	Toán cao cấp 1	Toán cao cấp 2	Tâm lý học đại cương	Khoa học môi trường	Kinh tế vi mô 1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	Pháp luật đại cương	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam	Kinh tế vĩ mô 1	Marketing căn bản	Nguyên lý kế toán	Kinh tế lượng	Hệ thống các tuyến điểm du lịch	Kỹ năng giao tiếp	Ngoại ngữ chuyên ngành	Quản trị học	Tổng quan du lịch	Văn hóa học	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Địa lý du lịch	Marketing dịch vụ	Nguyên lý thống kê kinh tế	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 1	Quản trị lữ hành	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	Quản lý điểm đến	Tâm lý du khách	Văn hóa các dân tộc thiểu số	Văn hóa Huế	Văn hóa và du lịch	Thực tập nghiệp vụ	Thực tập quản lý	**Tổng kết**
					2	**3**	**2**	**2**	**2**	**2**	**3**	**3**	**2**	**2**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**2**	**3**	**3**	**3**	**3**	**3**	**2**	**3**	**3**	**3**	**3**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**92**
34	14D4011198	Đinh Thị	Mận	08/08/1996	8.5	7.8	5.2	4.9	8.8	6.6	7.4	7.7	6.3	8.4	7.5	6.6	**3.2**	7.9	6.1	8.7	6.8	8.9	5.8	8.3	8.2	5.2	7.0	9.4	8.3	4.6	9.0	8.1	4.9	7.9	8.0	7.6	6.8	8.1	9.4	9.0	7.2
35	14D4011195	Nguyễn Thị ánh	Mầu	30/09/1996	6.4	7.7	4.7	4.4	7.8	7.4	5.7	8.2	7.0	5.5	6.8	7.1	5.8	7.0	8.2	8.0	8.2	8.8	5.1	7.3	8.0	8.4	7.5	8.4	7.6	5.4	9.0	6.5	5.2	8.0	9.3	7.5	6.6	8.4	9.4	8.5	7.2
36	14D4011208	Hồ Thị	Mùi	02/01/1996	7.3	6.6	4.3	5.3	8.0	7.4	7.2	6.9	6.2	5.8	4.0	7.0	6.2	7.8	4.7	8.1	7.9	8.9	5.1	8.7	6.6	4.0	7.5	8.4	7.6	6.5	8.2	6.5	5.5	8.4	9.3	7.9	5.2	8.5	9.3	8.4	6.9
37	14D4011210	Lê Thị	My	12/05/1996	8.4	7.0	6.0	6.6	8.2	6.5	5.5	7.6	6.6	7.6	7.3	7.2	6.6	7.8	7.8	8.2	8.3	9.0	5.3	9.0	7.3	8.9	8.0	8.7	8.3	7.4	8.4	7.7	5.0	8.5	8.5	8.3	8.0	8.4	9.9	8.5	7.6
38	14D4011213	Trần Thị Quốc	Mỹ	08/09/1996	7.6	6.9	5.8	7.0	8.2	7.5	4.6	5.6	6.5	5.4	7.5	7.5	10.0	8.0	8.4	8.7	8.3	9.1	5.0	8.1	7.7	8.7	8.2	8.4	8.6	7.7	8.4	7.4	5.8	8.2	9.3	8.4	7.3	9.1	9.5	8.7	7.7
39	14D4011218	Nguyễn Thị	Năm	16/06/1996	6.1	6.5	4.1	4.9	8.7	8.2	6.3	7.6	6.6	7.2	4.3	7.3	6.2	7.9	6.8	7.5	7.5	8.9	5.3	9.3	7.7	5.9	8.2	9.1	9.0	5.0	8.0	7.0	5.0	8.5	7.5	8.2	6.9	9.1	9.4	8.5	7.2
40	14D4011231	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	15/06/1996	6.2	8.8	5.4	5.5	7.5	7.3	6.7	8.2	8.7	7.0	6.6	4.8	6.2	7.3	6.2	9.3	8.0	9.0	7.9	8.8	5.8	5.9	6.1	8.4	8.6	7.3	8.3	7.9	7.1	8.2	8.5	7.7	4.8	9.3	9.9	9.5	7.4
41	14D4011233	Nguyễn Trần Thị Bích	Ngọc	19/11/1996	7.3	8.9	8.6	6.9	7.8	6.6	8.3	8.2	8.0	7.0	8.7	6.9	6.9	8.6	8.7	9.8	8.3	10.0	9.1	9.1	9.4	9.1	7.9	8.7	8.6	9.4	8.2	7.7	9.1	8.5	9.5	8.4	8.7	9.1	9.7	9.7	8.5
42	14D4011242	Đặng Thị Phương	Nhi	24/04/1994	4.3	5.8	4.7	5.0	8.2	6.0	6.3	4.5	6.3	4.0	4.7	**0.5**	**2.5**	**3.0**	**0.0**	**2.4**	**0.0**	**0.0**	**2.2**	**0.0**	**2.6**	**0.0**	**0.0**	**2.8**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**2.0**
43	14D4011243	Đỗ Thị Bảo	Nhi	29/02/1996	4.4	8.0	4.4	5.7	7.2	8.4	7.1	7.9	5.6	7.0	4.7	7.1	6.0	8.2	5.1	6.9	8.2	9.0	7.3	9.6	7.7	5.4	8.2	6.3	7.9	7.7	8.2	8.5	7.7	8.5	9.5	8.6	8.4	8.4	9.1	8.4	7.4
44	14D4011245	Hồ Võ ái	Nhi	17/05/1996	5.2	9.0	5.5	6.3	7.8	7.2	6.8	8.4	7.0	6.4	7.2	7.6	4.1	7.8	6.0	8.0	7.5	10.0	7.3	8.2	7.7	5.1	7.7	8.7	9.3	4.7	7.6	8.6	7.3	8.2	9.5	6.2	8.0	8.6	9.7	8.5	7.4
45	14D4011267	Trần Thị Quỳnh	Như	20/03/1996	6.1	5.1	**2.7**	5.0	8.2	6.5	6.3	7.8	6.3	5.8	4.0	7.4	**3.5**	**3.0**	**0.0**	**2.4**	7.7	8.7	**2.3**	7.9	8.0	5.9	7.0	8.0	8.2	**3.8**	7.7	6.0	4.2	8.2	8.0	7.5	5.1	8.0	9.7	8.6	6.0
46	14D4011273	Lê Thị	Oanh	17/04/1996	4.8	6.7	**2.0**	**3.6**	5.4	7.1	5.3	6.4	5.4	5.2	**3.6**	**2.8**	**2.4**	5.5	**2.3**	**2.1**	7.3	8.9	4.9	4.1	6.7	4.9	6.6	7.7	7.9	**3.8**	8.0	5.5	4.2	8.0	8.0	5.5	4.5	7.5	9.1	8.3	5.5
47	14D4011284	Lưu Thị Kim	Phương	01/01/1996	5.6	6.0	5.6	4.7	7.5	6.5	4.9	7.1	5.9	6.2	6.1	6.3	7.0	7.0	5.4	7.5	7.5	8.9	5.0	8.3	7.3	5.4	7.7	8.0	8.3	7.2	7.3	8.0	5.3	8.2	8.0	7.2	5.5	8.6	9.3	8.0	6.9
48	14D4011291	Phạm Thị Mỹ	Phương	25/11/1996	7.3	6.9	6.4	5.1	7.6	7.5	5.6	8.2	8.4	7.0	7.1	8.5	7.3	8.2	6.0	8.4	8.2	9.0	6.6	9.3	8.0	7.7	8.2	8.7	8.5	**3.9**	9.1	6.7	6.3	8.2	9.3	7.5	8.3	8.2	9.7	8.5	7.6
49	14D4011294	Hà Thị Kim	Phượng	11/12/1996	5.5	6.1	**3.4**	5.0	4.4	6.4	5.2	6.8	5.9	6.1	4.2	**3.0**	**2.8**	6.0	**2.4**	**2.5**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**1.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**2.1**
50	14D4011299	Nguyễn Như	Quỳnh	01/02/1996	8.0	6.4	5.3	6.4	8.9	7.5	4.2	7.3	9.1	8.4	8.8	4.5	8.0	6.6	6.1	8.8	8.9	8.7	5.7	8.7	7.7	9.1	8.2	8.7	8.2	7.7	9.0	7.1	7.2	8.5	8.7	7.9	7.9	8.2	9.4	9.0	7.7
51	14D4011303	Lê Công Quang	Sang	02/11/1996	6.2	7.7	8.4	8.9	7.9	6.4	5.3	6.7	6.4	6.7	5.1	4.6	6.3	8.5	7.4	7.8	7.9	9.0	7.0	7.9	8.0	7.6	7.0	8.4	7.6	9.0	8.3	7.4	5.5	5.4	8.0	6.8	5.9	8.0	9.3	8.3	7.3
52	14D4011304	Phạm Đình	Sang	02/11/1994	7.0	7.7	5.3	4.6	6.0	6.8	6.4	6.1	5.9	5.4	6.8	4.9	5.4	7.4	4.9	7.8	7.9	10.0	5.8	8.4	7.0	7.2	6.2	8.4	8.2	6.6	8.4	7.2	4.4	7.9	9.0	6.2	6.6	8.0	9.6	9.0	6.9
53	14D4011305	Lê Thị	Sen	02/02/1996	8.2	6.9	4.9	6.4	5.6	8.2	6.4	6.0	8.3	7.3	8.0	5.2	5.9	8.2	8.6	7.8	7.9	8.9	6.9	8.3	7.7	6.1	7.4	8.4	7.6	5.8	8.7	8.3	5.2	8.0	8.0	7.5	8.3	8.2	9.6	8.8	7.4
54	14D4011375	Nguyễn Đinh Quốc	Tiến	18/02/1996	7.8	7.7	5.8	6.7	8.4	8.7	6.3	8.9	6.5	8.2	4.3	8.5	8.6	6.9	8.3	9.2	9.1	10.0	6.2	9.9	9.1	9.3	9.0	9.4	9.3	9.1	9.6	8.6	5.6	8.8	10.0	8.3	7.3	8.6	9.9	8.5	8.2
55	14D4011376	Nguyễn Phạm Nam	Tiến	28/10/1996	6.4	8.0	6.0	4.6	7.5	5.8	4.5	6.9	7.0	6.7	6.1	5.3	5.7	8.4	6.9	7.8	7.5	8.7	6.3	7.1	6.6	5.6	6.3	8.4	7.0	6.4	7.8	6.6	5.7	7.3	8.0	6.9	5.2	7.7	8.9	9.0	6.8
56	14D4011411	Nguyễn Thế	Tuyến	16/10/1995	6.7	7.5	4.0	6.3	5.6	7.3	5.3	6.6	5.5	7.6	7.5	5.3	4.5	7.5	5.9	5.7	7.9	8.8	7.0	8.6	6.3	5.5	7.0	8.7	8.6	4.5	8.4	7.3	6.7	8.0	9.7	7.2	4.8	7.5	9.4	9.0	6.9
57	14D4011329	Mai Thị Phương	Thảo	17/04/1996	6.8	8.5	5.2	7.6	6.2	5.7	6.7	7.3	6.6	6.4	6.0	7.5	8.0	8.0	4.5	8.6	7.5	9.0	6.6	8.7	8.1	8.2	7.2	8.7	7.9	6.3	8.6	8.3	6.8	8.7	9.5	8.0	7.0	8.2	9.1	8.7	7.5
58	14D4011331	Nguyễn Thị Phương	Thảo	30/01/1996	6.4	8.2	5.4	5.3	7.6	5.7	6.1	5.9	7.6	4.0	5.5	5.6	5.2	7.9	4.4	6.2	7.5	9.0	6.7	8.0	7.3	4.7	5.8	8.7	8.6	6.7	9.1	7.6	7.5	8.2	9.3	6.8	5.5	9.1	9.7	8.5	6.9
59	14D4011334	Nguyễn Vân	Thảo	20/09/1996	8.2	8.2	8.7	7.6	8.7	8.2	5.5	9.0	9.3	8.0	9.1	6.4	10.0	8.2	9.6	9.9	8.2	8.8	7.4	9.8	8.0	9.3	8.2	9.4	9.2	9.4	9.1	7.4	7.6	8.7	9.5	9.1	8.9	9.2	9.7	8.8	8.6
60	14D4011360	Trần Thị	Thúy	19/08/1996	**2.8**	**2.4**	**0.9**	**1.5**	**2.3**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.4**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.8**	**0.0**	**2.4**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**2.6**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.4**
61	14D4011361	Trần Thị Thanh	Thúy	09/07/1996	5.8	4.7	5.0	5.0	8.2	8.0	4.0	7.5	7.7	8.0	7.4	7.1	7.3	6.3	5.8	6.8	7.9	8.9	6.5	7.2	6.3	7.9	7.7	8.7	8.2	**3.7**	8.3	6.5	5.8	8.2	9.3	7.5	6.1	9.1	9.2	9.3	7.0
62	14D4011366	Hà Thị	Thương	10/11/1996	4.8	7.5	5.7	4.5	7.0	6.4	7.0	5.1	8.2	7.0	5.6	6.4	7.3	8.3	6.1	9.5	7.6	8.8	5.6	8.5	8.0	5.6	6.8	8.0	9.3	8.3	8.7	7.5	6.8	8.2	8.0	8.0	6.9	9.1	9.4	8.5	7.3
63	14D4011367	Lê Thị	Thương	03/02/1996	6.7	7.3	6.1	6.1	7.8	7.4	5.1	7.8	5.1	8.3	6.0	5.9	6.3	6.0	5.2	7.0	7.9	8.9	4.4	8.0	4.9	7.5	7.4	8.4	8.2	4.2	7.6	7.0	**2.6**	8.0	8.0	6.1	5.1	8.7	9.1	8.8	6.7
64	14D4011389	Phan Thị	Trà	13/12/1996	7.3	7.5	4.9	5.8	7.7	7.4	7.1	8.8	7.5	8.0	6.3	6.4	8.4	7.4	8.8	8.4	8.2	9.0	5.7	8.9	8.7	8.0	7.5	8.4	8.7	4.9	8.7	8.6	5.9	8.5	8.5	8.3	5.9	8.2	9.2	9.3	7.7
65	14D4011379	Dương Huyền	Trang	06/11/1996	8.2	6.4	4.1	4.0	7.4	6.0	5.6	7.6	5.7	6.8	6.1	7.0	6.9	6.8	7.0	8.2	8.2	9.0	6.3	8.7	9.1	8.0	8.2	9.1	8.3	5.3	8.7	8.6	6.6	8.2	9.5	8.0	7.5	8.3	9.3	9.5	7.4
66	14D4011404	Ngô Minh	Trí	14/04/1996	7.0	6.5	**2.7**	**0.6**	**3.3**	6.5	4.7	5.7	6.8	4.3	7.3	**0.6**	**2.1**	7.3	**2.2**	5.1	**1.4**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**1.0**	**2.0**	**2.5**	**2.8**	5.5	**1.8**	**0.0**	**1.9**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**0.0**	**2.6**
67	14D4011405	Nguyễn Ngọc	Trí	11/04/1995	7.8	6.8	6.8	5.8	8.8	8.2	7.7	9.0	7.9	7.6	8.2	8.8	9.6	9.0	8.4	9.3	8.6	10.0	6.0	8.9	9.8	9.3	9.3	9.4	7.9	7.8	9.1	7.7	7.3	8.5	8.0	7.9	9.7	9.1	9.6	8.5	8.4
68	14D4011421	Lê Thị Nhã	Uyên	27/08/96	5.0	8.4	**2.4**	4.5	5.0	5.9	5.8	4.5	6.4	8.1	4.7	6.6	5.6	7.2	4.4	7.3	7.9	9.0	6.8	4.1	4.9	**3.6**	6.8	7.7	7.9	**2.8**	8.0	6.2	**3.4**	7.6	8.5	6.2	4.4	8.2	9.1	8.4	6.1
69	14D4011426	Lê Thị Tường	Vân	10/01/1996	5.2	7.1	6.4	4.8	7.6	4.1	6.5	7.7	7.7	5.3	5.1	5.1	**4.4**	8.5	5.6	7.4	6.8	10.0	7.3	8.3	7.0	**3.5**	8.9	8.0	8.3	5.5	8.7	7.5	7.8	8.4	8.5	8.0	**3.8**	8.9	9.2	8.5	7.0
70	14D4011428	Nguyễn Thị	Vân	15/06/1996	4.2	6.1	8.2	4.8	5.8	7.7	6.2	7.8	8.2	6.6	8.7	7.0	7.2	7.9	7.0	9.2	8.2	10.0	7.1	8.9	8.4	9.0	8.6	9.1	9.3	6.2	9.1	7.9	7.3	8.5	9.0	8.0	8.3	8.6	9.9	8.7	7.9
71	14D4011445	Nguyễn Thị Tầm	Xuân	24/02/1996	6.2	7.3	5.0	4.3	5.3	8.1	7.0	7.7	5.2	7.1	8.0	6.6	5.6	8.2	6.8	7.4	7.5	8.9	7.5	8.4	7.0	8.6	8.2	9.1	7.9	5.1	8.7	7.4	7.4	7.7	8.7	7.9	6.7	8.9	9.6	8.6	7.4

(Có 70 sinh viên trong danh sách này với 0 con điểm bị sửa chữa)